

Bản án số: 17/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27 – 01 - 2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung
2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2022/TLST - HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1985 (vắng mặt – có đơn)

ĐKTT: số 353/PT, ấp Phú TH, xã P N, huyện B T, tỉnh B T.

Bị đơn: Anh Đào Thanh N, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú TH, xã P N, huyện B T, tỉnh B T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Chị và anh Đào Thanh N cưới nhau năm 2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Phú Ngãi (nay là xã Phước Ngãi), huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 18/11/2003. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc

nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và bắt đầu sống ly thân từ đó. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh N, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh N nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh N có hai con chung là cháu Đào Như Ng, sinh ngày 08/9/2004 và Đào Thị Ng T, sinh ngày 01/01/2006 khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Đào Thanh N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị H, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Đào Thanh N.

+ Về con chung: Đối với cháu Đào Như Ng đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; đối với cháu Đào Thị Ng T giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng muốn sống với mẹ của cháu Ng T). Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Đào Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh N vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Trịnh Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh N.

Về nội dung:

[1] Về hôn N: Chị H và anh N cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban N dân xã Phú Ngãi, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 24/6/2013 nên là hôn N hợp pháp. Do đó, hôn N của chị H và anh N là hôn N hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hòa giải, hàn gắn được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh N. Anh N biết việc chị H yêu cầu ly hôn với anh nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án N dân huyện Ba Tri đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị H. Điều đó thể hiện anh N đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn N không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh N là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn N và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh N có hai con chung là Đào Như Ng, sinh ngày 08/9/2004 và Đào Thị Ng T, sinh ngày 01/01/2006. Hiện con chung cháu Ng đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Ng T chị H yêu cầu được nuôi con. Xét yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị H là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu Ng T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với

nguyện vọng muốn được sống với mẹ của cháu Ng T). Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị H khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Ba Tri phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Trịnh Thị H phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn N và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn N: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H. Chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Đào Thanh N.

2. Về con chung: Đối với cháu Đào Như Ng đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Chị Trịnh Thị H có quyền trực tiếp nuôi con chung Đào Thị Ng T, sinh ngày 01/01/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đào Thanh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: chị H khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Án phí hôn N và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Trịnh Thị H phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008779 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn N và gia đình sơ thẩm chị H đã nộp xong.

Chị Trịnh Thị H, anh Đào Thanh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Phước Ngãi (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu